

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 777/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025
(Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Quản lý nợ công ngày năm 2017; Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương; Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 369/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công tỉnh Bắc Ninh năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương cho các cơ quan, đơn vị;

Xét đề nghị của Liên sở Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính tại Tờ trình số 60/TTr-LS: KHĐT-TC ngày 20/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố với tổng nguồn (nguồn XDCB tập trung) là: 4.142.254 triệu đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn một trăm bốn mươi hai tỷ, hai trăm lăm mươi tư triệu đồng) cụ thể như sau:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.829.540 triệu đồng, trong đó:

- + Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện: 2.670.540 triệu đồng;
- + Nguồn thu sử dụng đất cấp xã: 159.000 triệu đồng;
- Nguồn cân đối ngân sách cấp huyện, xã: 336.800 triệu đồng;
- Nguồn điều tiết ngân sách huyện, xã: 58.141 triệu đồng;
- Nguồn bổ sung có mục tiêu năm 2025: 917.773 triệu đồng, trong đó:
 - + Nguồn bổ sung có mục tiêu theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND: 285.121 triệu đồng;
 - + Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện: 170.460 triệu đồng;
 - + Nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện dự án tái định cư, dự án xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường Vành đai 4 và dự án giao thông quan trọng: 292.192 triệu đồng;
 - + Nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện dự án hoàn thiện các tiêu chí đô thị còn thiếu: 50.000 triệu đồng;
 - + Nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện Đề án "Xây dựng thí điểm sản phẩm OCOP du lịch tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2023-2025": 10.000 triệu đồng;
 - + Nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện các dự án thuộc nhiệm vụ chi cấp huyện khác: 10.000 triệu đồng;
 - + Nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện các dự án theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền: 100.000 triệu đồng.

(Chi tiết từng địa phương theo phụ lục 01,02 đính kèm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện:

1. Rà soát tổng nguồn vốn cấp địa phương, xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025 của cấp mình và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2025 của cấp mình theo đúng quy định của pháp luật và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn có liên quan; thực hiện giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 đối với các dự án, nhiệm vụ chi đảm bảo đủ thủ tục đầu tư, tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, thứ tự ưu tiên và đúng thời gian quy định.

2. Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công năm 2025 đúng quy định, không để thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước; Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo chỉ đạo của cấp trên. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền của đơn vị trong quá trình quản lý, theo dõi kế hoạch đầu tư công và thực hiện dự án.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các dự án hoàn thành các tiêu chí đô thị, tiêu chí nâng chuẩn xã lên phường (Loại III: Tiên Du, Yên Phong; Loại II: Thành phố Từ Sơn), các dự án quan trọng quốc gia, quan trọng của tỉnh.

Điều 3. Giao các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh theo chức năng phối hợp với đơn vị có liên quan hướng dẫn các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công trong việc quản lý, sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 bảo đảm theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương và quy định phân cấp của tỉnh Bắc Ninh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *l. l. l.*

Nơi nhận: *l.*

- Như điều 4;
- TTTU; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Tân Phụng
Ngô Tân Phụng





PHỤ LỤC 01: NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN, XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương	TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025	Trong đó:													Ghi chú
			Trong đó:		Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu năm 2025											
			Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện	Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp xã	Nguồn cân đối ngân sách cấp huyện	Nguồn thu điều tiết ngân sách huyện, xã	Tổng cộng	Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện	Theo tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND	Để thực hiện dự án tái định cư, dự án xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường vành đai 4 và dự án giao thông quan trọng	Để thực hiện dự án hoàn thiện các tiêu chí đô thị còn thiếu	Dự án thuộc Đề án "Xây dựng thí điểm sản phẩm OCOP du lịch tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2023-2025"	Dự án khác	Dự án theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh	
TỔNG CỘNG	4.142.254	2.829.540	2.670.540	159.000	336.800	58.141	917.773	170.460	285.121	292.192	50.000	10.000	10.000	100.000		
1	Thành phố Bắc Ninh	780.776	510.000	470.000	40.000	53.900	21.376	195.500	30.000		55.500			10.000	100.000	
2	Thành phố Từ Sơn	141.313	95.260	74.260	21.000	40.400	913	4.740	4.740							
3	Huyện Tiên Du	118.249	72.000	47.000	25.000	42.050	1.199	3.000	3.000							
4	Thị xã Quế Võ	286.677	43.200	28.200	15.000	50.500	17.306	187.421	1.800	48.121	97.500	40.000				
5	Huyện Yên Phong	249.613	95.080	77.080	18.000	38.750	4.113	99.920	4.920	95.000						
6	Thị xã Thuận Thành	2.167.384	1.838.600	1.823.600	15.000	43.800	9.392	275.592	116.400		139.192	10.000	10.000			
7	Huyện Gia Bình	179.271	127.800	112.800	15.000	33.700	1.571	16.200	7.200	9.000						
8	Huyện Lương Tài	218.971	47.600	37.600	10.000	33.700	2.271	135.400	2.400	133.000						






PHỤ LỤC 02: DANH MỤC DỰ ÁN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (*)	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMĐT			Tổng số	Trong đó		
								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
TỔNG CỘNG				2.013.560	885.000	412.808	462.192			
A	Dự án tái định cư, dự án xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường vành đai 4 và dự án giao thông quan trọng			980.931	671.000	378.808	292.192			
I	Thị xã Thuận Thành			672.973	400.000	260.808	139.192			
1	Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Mão Điền, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	1070/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	39.404	25.000	20.500	4.500			
2	Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại thôn Điện Tiên, xã Nguyệt Đức, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	1076/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	23.902	14.000	12.400	1.600			
3	Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại thôn Lê Xá, xã Nguyệt Đức, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	1076/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	23.902	15.000	13.500	1.500			
4	Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại thôn Yên Nhuế, xã Nguyệt Đức, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	1246/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	12.576	9.000	8.000	1.000			
5	Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Ngũ Thái, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	1069/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	28.567	17.000	11.500	5.500			
6	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật để tái định cư phục vụ dự án, công trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội của thị xã tại xã Mão Điền (Vị trí 1)	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	725/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	183.670	102.000	78.082	23.918			
7	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật để tái định cư phục vụ dự án, công trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội của thị xã tại xã Mão Điền (Vị trí 2)	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	1206/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	177.287	98.000	50.000	48.000			
8	Hạ tầng kỹ thuật để tái định cư phục vụ dự án, công trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội của thị xã tại xã Nghĩa Đạo, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	722/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	111.266	78.000	38.779	39.221			
9	Hạ tầng kỹ thuật để tái định cư phục vụ dự án, công trình trọng điểm và phát triển kinh tế - xã hội của thị xã tại xã Nguyệt Đức, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	724/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	40.360	23.000	17.089	5.911			

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (*)	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT			Tổng số	Trong đó		
								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
10	Hạ tầng kỹ thuật để tái định cư phục vụ dự án, công trình trọng điểm và phát triển kinh tế - xã hội của thị xã tại phường Ninh Xá, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	723/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	32.039	19.000	10.958	8.042			
II	Thị xã Quế Võ			182.328	171.000	73.500	97.500			
1	Dự án: ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Chi Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Quế Võ	1540/QĐ-UBND ngày 9/8/2024	91.149	85.000	33.500	51.500			
2	Dự án: ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Yên Giã, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Quế Võ	795/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	91.179	86.000	40.000	46.000			
III	Thành phố Bắc Ninh		-	125.630	100.000	44.500	55.500			
1	Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật để tái định cư phục vụ các dự án, công trình trọng điểm, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Bắc Ninh (vị trí tại phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh - diện tích 2,6ha)	Ban QLDA xây dựng thành phố Bắc Ninh	1342/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	54.205	44.000	11.000	33.000			
2	Dự án đầu tư xây dựng HTKT để tái định cư các dự án, công trình trọng điểm, phát triển kinh tế - xã hội thành phố Bắc Ninh (vị trí tại phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh - diện tích 4,23ha)	Ban QLDA xây dựng thành phố Bắc Ninh	578/QĐ-UBND ngày - 21/7/2023	71.425	56.000	33.500	22.500			
B	Dự án hoàn thiện các tiêu chí đô thị còn thiếu			287.481	80.000	30.000	50.000			
I	Thị xã Thuận Thành			126.531	40.000	30.000	10.000			
1	Dự án Sân vận động thể thao có mái che huyện Thuận Thành (nay là thị xã Thuận Thành)	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	1891/QĐ-UBND ngày 23/12/2021; 852/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	126.531	40.000	30.000	10.000			
II	Thị xã Quế Võ			160.950	40.000	-	40.000			
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa, thể thao huyện Quế Võ (giai đoạn 2)	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Quế Võ	1751/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	160.950	40.000	-	40.000			
C	Dự án thuộc Đề án "Xây dựng thị điểm sản phẩm OCOP du lịch tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2023-2025"			21.790	14.000	4.000	10.000			
1	Đầu tư phát triển sản phẩm ocop du lịch làng nghề tranh Đông hồ	Phòng Kinh tế thị xã Thuận Thành	1098/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	21.790	14.000	4.000	10.000			
D	Dự án theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh			691.958	100.000	-	100.000			

STT		Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (*)	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMĐT			Tổng số	Trong đó		
								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ công viên Văn Miếu	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	2046/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	691.958	100.000	-	100.000			
E	Dự án khác			31.400	20.000	0	10.000			
1	Dự án Cải tạo nghĩa trang nhân dân khu Xuân Ổ A, Xuân Ổ B phục vụ di chuyển mộ để xây dựng trường Đại học Dược Hà Nội - cơ sở 2	UBND phường Võ Cường thành phố Bắc Ninh	204/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	31.400	20.000		10.000			

(*) Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước: là số ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2024